TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/06/2019.
V/v "Tranh chấp ly hôn và con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt.**

Ông **Trần Hải Toàn.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 151/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08/04/2019 về vụ "Tranh chấp về ly hôn và con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/05/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thị Thu Tr,** sinh năm: 1995. Địa chỉ: Tổ 7, ấp V B, xã L H, huyện H Đ, tỉnh KG *(Có mặt).*

* Bị đơn: Anh **Huỳnh H**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp V B, xã L H, huyện H Đ, tỉnh K G *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị Thu Tr trình bày như sau:***

- *Về hôn nhân*: Năm 2011 chị và anh H tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nên đến hôn nhân. Anh chị có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Lình Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/07/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chịu ở Bình Dương cùng chị làm ăn sinh sống . Đến giữa năm 2017 chị và anh

H cự cãi nên anh H đã đem con bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không còn quan tâm chăm sóc gì đến chị. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Anh chị có 01 người con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 04/7/2012. Chị đồng ý giao cháu L cho anh H nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chun*g: Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Huỳnh H trình bày như sau:***

Về hôn nhân: Đầu năm 2012 anh và chị Tr tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Lình Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/07/2012. Quá trình chung sống có 01 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Tr có lời lẽ xúc phạm đến anh và mẹ ruột của anh. Từ đầu năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 04/07/2012. Hiện nay con đang do anh nuôi dưỡng. Nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh có đơn xin xét xử vắng mặt vì bận công việc làm ăn xa.

Tại phiên tòa:

- Chị Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện VKSND huyện Hòn Đất là ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Thu Tr. Cho chị Tr được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao 01 con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 04/07/2012 cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xét. Về án phí buộc chị Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh H là bị đơn trong vụ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh H tự tìm hiểu thương yêu nhau đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau do giữa anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình. Anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị Tr yêu cầu xin ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị Tr xin ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận. Vì theo như anh chị trình bày (tại bút lục 23, 24) từ đầu năm 2018 khi anh chị ly thân cho đến nay, vợ chồng không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ sống chung với nhau và anh H cũng đồng ý ly hôn với chị Tr nhưng anh xin được xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay chị Tr vẫn cương quyết xin ly hôn với anh H. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị Tr và anh Hđã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 04/07/2012. Anh H có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn thì anh xin được nuôi dưỡng cháu L. Xét thấy, hiện nay cháu L đang do anh H nuôi dưỡng và tại phiên tòa chị Trcũng đồng ý giao cháu L cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng nên. Do đó, cần giao cháu L cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian anh H nuôi dưỡng cháu Lthì chị Tr được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hồng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Thị Thu Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56; Điều 57, Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Thu Tr.

1. Về Hôn nhân: Chị Thị Thu Tr được ly hôn với anh Huỳnh H.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 04/07/2012 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Tr được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị Thu Trphải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị Tr đã nộp theo biên lai thu số: 0002232 ngày 02/04/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (chị Tr đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị Trcó quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hcó quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo